

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Thứ sáu, ngày 3 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tiếp tục hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/4/2020	•		
Tuần 6/4-10/4/2020	•		
Tháng 4/2020	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Vận động tích cực của TTCK Mỹ khi giá dầu có mức tăng ấn tượng đã giúp cho VN-Index duy trì được nhịp hồi phục trong phiên sáng. Thị trường được nâng đỡ bởi các mã cổ phiếu trụ cột như VIC, BID, GAS, SAB, MSN. Đến phiên chiều, chỉ số mở rộng đà tăng và thành công lấy lại mốc 700 điểm. Nhóm VN30 với 29 cổ phiếu tăng giá là động lực chính của VN-Index. Thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước đó cũng cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang dần trở lại trạng thái ổn định. Điểm trừ vẫn đến từ hoạt động bán ròng của khối ngoại trên cả hai sàn. Như vậy, nhiều khả năng chỉ số sẽ quay trở lại vận động giằng co trong tuần tới khi tiếp cận các ngưỡng kháng cự cao hơn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 650 điểm trong những phiên tiếp theo.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 3/4/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme Dầu khí +7.9%. 13/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **7.9%**, con số này của VNINDEX là 3.2%

Phân tích kỹ thuật: SSI_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+21.57 điểm**, đóng cửa 701.80. HNX-Index **2.23 điểm**, đóng cửa 97.84.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.97); VHM (+2.79); BID (+2.62); GAS (+1.74); MSN (+1.07)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BHN (-0.19); HPX (-0.07); HNG (-0.06); NLG (-0.05); PME (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,659 tỷ đồng**, **+25%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 13.88 điểm. Thị trường có 297 mã tăng, 41 mã tham chiếu 90 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **374.99 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (62.41 tỷ), SVI (37.65 tỷ) và VRE (31.12 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **84.84 tỷ đồng**.

VN-INDEX 701.80

Giá trị: 2659.86 tỷ

21.57 (3.17%)

Khối ngoại (ròng): -374,99 tỷ

HNX-INDEX 97.84

Giá trị: 362.43 tỷ

2.23 (2.33%)

Khối ngoại (ròng): -84,48 tỷ

UPCOM-INDEX 49.14

Giá trị: 217.11 tỷ

0.51 (1.05%)

Khối ngoại(ròng): -32,63 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	26.3	3.99%
Giá vàng	1,612	-0.12%
Tỷ giá USD/VND	23,547	-0.22%
Tỷ giá EUR/VND	25,532	-1.84%
Tỷ giá JPY/VND	21,708	-0.72%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	14.34%
LS TPCP 5 năm	3.1%	1.48%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	11.2	VHL	-72.5
BID	5.8	VIC	-62.4
NVL	2.1	SVI	-37.7
LDG	1.9	VRE	-31.1
GAB	1.7	CII	-29.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **13/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **7.9%**, con số này của VNINDEX là 3.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **6/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

3/4/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_7.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Dầu khí	7.9%	0.9%	-29.9%	-39.5%	-44.3%	-44.9%	-26.9%	24.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	4.8%	2.4%	-22.1%	-27.7%	-33.9%	-39.4%	-8.4%	22.1%
Xây dựng	4.8%	-0.1%	-22.6%	-25.7%	-39.5%	-40.9%	-37.0%	19.0%
Hàng tiêu dùng	4.7%	0.6%	-22.1%	-28.3%	-36.3%	-31.7%	-2.1%	19.0%
Lãi suất giảm	4.6%	2.1%	-28.2%	-29.4%	-35.0%	-35.4%	-9.7%	18.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	4.2%	-1.2%	-28.9%	-29.5%	-30.6%	-15.6%	32.6%	20.8%
VN Diamond	3.8%	-3.9%	-29.3%	-28.2%	-32.2%	-20.2%	5.6%	18.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	3.6%	0.2%	-22.4%	-25.9%	-29.5%	-22.5%	11.9%	17.0%
Nước & Năng lượng	3.6%	1.6%	-19.0%	-26.9%	-31.9%	-28.2%	5.4%	15.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	3.6%	2.4%	-18.8%	-26.8%	-30.2%	-30.1%	24.9%	15.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	3.4%	-3.7%	-27.4%	-28.6%	-32.4%	-20.6%	6.8%	18.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	3.3%	0.0%	-21.4%	-25.4%	-31.7%	-25.6%	7.6%	16.2%
Vật liệu Xây dựng	3.2%	3.1%	-22.8%	-27.7%	-29.1%	-27.5%	-28.8%	20.0%
FTSE Việt Nam	3.1%	2.7%	-17.0%	-24.7%	-27.2%	-26.8%	35.4%	16.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	3.0%	-1.8%	-27.9%	-22.6%	-24.9%	-22.1%	1.8%	21.1%
VN FinSelect	2.9%	-2.7%	-27.4%	-22.9%	-25.6%	-23.5%	-2.2%	19.6%
Ngân hàng	2.8%	-1.1%	-27.1%	-22.3%	-22.8%	-16.3%	27.2%	23.1%
Chiến tranh thương mại	2.8%	-0.4%	-28.7%	-33.1%	-38.8%	-37.4%	-31.1%	17.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.5%	0.8%	-16.3%	-20.0%	-19.1%	-16.5%	13.9%	15.3%
Ngành Dược	2.4%	-0.1%	-10.4%	-10.3%	-11.9%	-8.8%	11.5%	18.2%
BDS & Khu công nghiệp	1.8%	-1.8%	-24.6%	-30.8%	-33.3%	-31.2%	-7.3%	17.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 3	5.4%	-3.1%	-31.5%	-32.2%	-38.3%	-29.6%	7.1%	21.8%
Danh mục 9	4.6%	1.6%	-26.4%	-29.6%	-29.0%	-29.2%	39.6%	20.8%
Danh mục 6	4.0%	-1.5%	-26.6%	-25.6%	-31.7%	-25.0%	8.2%	20.3%
Danh mục 7	2.5%	-0.7%	-23.1%	-28.3%	-31.2%	-21.1%	8.8%	16.8%
Danh mục 1	2.2%	1.4%	-20.3%	-24.0%	-23.6%	-16.8%	27.5%	18.6%
* Note	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
Danh mục 12	5.2%	0.7%	-25.2%	-27.9%	-31.7%	-18.0%	46.3%	18.3%
Danh mục 10	2.5%	2.2%	-20.3%	-24.9%	-26.6%	-15.0%	11.2%	16.8%
Danh mục 11	2.2%	1.0%	-17.7%	-21.0%	-25.2%	-12.9%	12.8%	17.1%
* Note	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

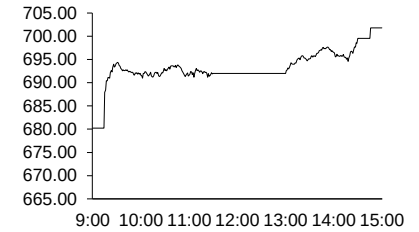
INDEX								
VNINDEX	3.2%	1.1%	-21.1%	-27.2%	-29.8%	-29.0%	-2.5%	16.6%
VN30INDEX	3.2%	0.4%	-22.5%	-25.9%	-29.9%	-28.3%	-5.8%	17.0%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

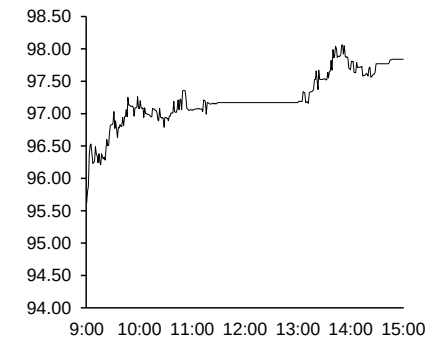
Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	6.2%
Viễn thông	6.0%
Bảo hiểm	5.2%
Công nghệ Thông tin	4.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.4%
Bất động sản	4.2%
Dầu khí	3.4%
Dịch vụ tài chính	3.3%
Ngân hàng	2.8%
Tài nguyên Cơ bản	2.7%
Xây dựng và Vật liệu	2.1%
Y tế	2.0%
Du lịch và Giải trí	1.8%
Hóa chất	1.7%
Thực phẩm và đồ uống	1.7%
Ô tô và phụ tùng	1.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.0%
Truyền thông	-0.1%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

SSI_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần nhưng chưa vượt qua giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: SSI đã ở trong trạng thái giảm giá từ cuối năm ngoái đến nay với xuất phát điểm là khu vực tích lũy 20-23. Phiên hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần. Các chỉ báo kỹ thuật đang chưa có được sự đồng nhất về trạng thái nhưng cũng dần chuyển sang trạng thái tích cực. Chỉ báo MACD vừa tạo Golden Cross trong phiên hôm nay nên đó có thể là dấu hiệu khởi đầu cho một giai đoạn tươi sáng hơn của cổ phiếu. Tuy vậy, việc chỉ báo RSI chưa vượt qua giá trị 50 cũng như đường EMA12 vẫn đang ở dưới đường EMA26 nên áp lực chốt lời có thể xuất hiện trong ngắn hạn. Theo đánh giá của chúng tôi, SSI có thể sẽ tiếp cận vùng giá 15-15.5 trong thời gian tới sau đó tiềm năng đi ngang tích lũy để tìm thêm động lực cho quá trình tăng giá được vững vàng hơn.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bút phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bút phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bút phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 3/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 3/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	24.44	-3.48%	13.62%	-47.90%	-59.39%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	29.09	-2.84%	4.08%	-43.30%	-57.02%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	65.44	-1.27%	6.65%	-57.50%	-64.83%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1612.96	-0.06%	-0.93%	-1.50%	26.62%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	14.48	-0.04%	0.10%	-15.90%	-3.42%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	860.75	0.23%	-2.35%	-5.10%	-10.41%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	547.75	1.11%	-4.11%	5.70%	6.15%		AFX
Sữa	USD /cwt	13.40	-1.47%	-4.29%	-18.50%	-16.87%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	144.20	2.56%	-3.61%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.29	2.49%	-9.18%	-25.20%	-25.70%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	119.35	2.89%	-4.25%	-2.30%	7.91%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	4897.00	2.02%	1.94%	-13.60%	-24.09%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3205.00	1.26%	-4.10%	-10.60%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1491.00	-0.57%	-2.93%	-13.40%	-21.32%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	568.50	1.52%	-3.97%	-11.80%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.20	-0.75%	-5.63%	-0.40%	-25.41%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng 5.2 USD (21%) lên 29.94 USD/thùng, trong khi dầu WTI tăng 5.1 USD (24.7%) lên 25.32 USD/thùng.
- Tổng Thống Trump đã điện đàm với Thái tử Saudi Arabia Mohammed bin Salman, sau đó đưa ra nhận định Saudi Arabia và Nga sẽ giảm khoảng 10 – 15 triệu thùng sản lượng dầu, vì 2 nước này đã tỏ ý sẵn sàng thực hiện điều đó. Ông Trump không nói rõ mức giảm mỗi ngày là bao nhiêu thùng. Tuy vậy, con số giảm nhiều như vậy chứng tỏ sẽ có sự tham gia cắt giảm sản lượng của các nước sản xuất lớn khác ngoài OPEC.
- Truyền thông Saudi Arabia cũng đưa tin vương quốc này đang kêu gọi các nhà sản xuất dầu mở hợp khẩn cấp để giải quyết cuộc khủng hoảng giá dầu giảm.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.3% lên 1,610.68 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 2.9% lên 1,637.7USD/ounce. Giá vàng tăng hơn 1% trong phiên vừa qua do số đơn xin trợ cấp thất nghiệp ở Mỹ tuần thứ 2 liên tiếp tăng lên mức cao kỷ lục 6.65 triệu người, do dịch Covid-19 buộc nhiều bang phải đưa ra các biện pháp hạn chế đi lại.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 0.9%, lên 647 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, Thép cuộn cán nóng tăng 0.4% vào cuối phiên, lên 3,220 CNY (453.63 USD)/tấn. Thép cây tăng 0.2% lên 3,377 CNY/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.9 JPY vào cuối phiên, xuống 140.6 JPY (1.3 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, hợp đồng kỳ hạn tháng 9 tăng 135 CNY lên 9.745 CNY (1,373 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo (TOCOM) tiếp tục giảm trong phiên vừa qua, vẫn quanh mức thấp nhất 11 năm, do ngày càng có nhiều dấu hiệu cho thấy nhu cầu giảm sút do dịch Covid-19 tiếp tục lan rộng, làm gián đoạn hoạt động sản xuất trên toàn cầu.

Giá nông sản

- Giá gạo xuất khẩu của Thái Lan tuần này tăng lên mức cao kỷ lục trong vòng 7 năm vì các nhà xuất khẩu nước này dự báo xuất khẩu sẽ tăng lên trong bối cảnh các đối thủ cạnh tranh đang tập trung vào việc chống dịch Covid-19 ở trong nước. Giá tham chiếu gạo 5% tằm của Thái Lan hiện khoảng 560 – 570 USD/tấn, FOB Bangkok – mức cao nhất kể từ cuối tháng 4/2013 (khi đó giá 570 USD/tấn). Hiện Ấn Độ đang trong giai đoạn cách ly toàn quốc 21 ngày, còn Việt Nam tạm ngừng xuất khẩu gạo để đảm bảo an ninh lương thực.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 25 US cent (2.5%) lên 10.29 USD cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm thêm 1.4 USD (0.4%) xuống 340.6 USD/tấn. Giá đường thô tăng trong phiên vừa qua, thoát khỏi mức thấp nhất 1.5 năm ở phiên liền trước, do giá dầu đảo chiều tăng 20% trong phiên vừa qua. Dầu tăng giá sẽ khiến các nhà máy đường Brazil chuyển hướng sang tăng sản xuất ethanol và giảm sản xuất đường.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 3.35 US cent (2.9%) trong phiên vừa qua, lên 1.1935 USD/lb. trong khi cà phê robusta giao cùng kỳ hạn tăng 38 USD (3.2%) lên 1,209 USD/tấn, sau thông tin Brazil – nước xuất khẩu cà phê số 1 thế giới – chỉ xuất khẩu 3.04 triệu bao cà phê trong tháng 3, giảm so với 3.21 triệu bao cùng tháng năm trước.

Câu chuyện về hai người thượng cổ

Từ rất xa xưa, có hai anh chàng người thượng cổ. Một anh chàng có tính đại khái, làm gì cũng vội vàng có tên là A Doa, một anh có tính tình ngược hẳn tên là C Cu. Cả hai anh chàng này đều sống trong hang núi ở một cánh rừng rậm.

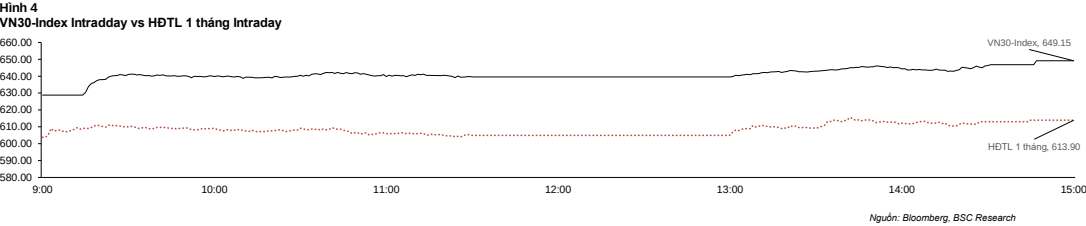
Một hôm, A Doa rời khỏi hang. Anh ta nhìn thấy cái giáo của mình để ở cửa hang, A Doa thầm nghĩ: “Bây giờ không đi xa nên mình cũng chẳng cần mang theo ngọn giáo này”. Khi A Doa vừa đi được một đoạn ngắn vào khu rừng, lùm cây trước mặt bỗng lung lay và anh ta nghe thấy tiếng “gầm” của một con hổ lớn. A Doa chết điếng người vì nhớ ra mình đã không mang theo giáo để phòng thủ. Anh ta chưa kịp định thần thì con hổ háu đói đã lao đến và xé xác anh ta.

Rồi một ngày nọ, gần hang của anh bạn quá cố A Doa, C Cu cũng rời khỏi hang của mình để đi hái quả gần đó. Với bản tính cẩn thận có sẵn nên mặc dù nghĩ rằng mình chỉ đi rất gần, nhưng C Cu vẫn thận trọng mang theo ngọn giáo để phòng bất trắc. Chàng ta vừa đi được một đoạn đường ngắn trong rừng, chợt lùm cây gần đó liên rung động. C Cu cảnh giác quan sát và nhanh như chớp một con hổ lớn vừa kêu “gầm” vừa lao ra khỏi bụi cây hướng về phía C Cu. C Cu không cảm thấy sợ hãi bởi bản năng được rèn luyện sẵn có hơn nữa lại đang có vật phòng thân là ngọn giáo trong tay. Ngay lập tức, C Cu đã nhanh tay đâm giáo chính xác vào cổ của con hổ lớn. Con hổ đổ vật xuống và gãy chết. C Cu liền hát lên vai và vác con hổ lớn mang về hang.

Sự phòng thủ chắc chắn nhất chính là sự chuẩn bị tốt nhất. Nó giúp bạn xóa tan đi nỗi sợ hãi và tê liệt. Nhiều lúc, nó còn chuyển nguy thành cơ hội để bạn có thể làm giàu. Trong đầu tư cũng vậy, hãy đảm bảo rằng bạn đã có những công cụ phòng thủ và cách thức sử dụng chúng. Một trong những công cụ đó là hãy xác định mục tiêu và khẩu vị rủi ro thật cụ thể cho mỗi khoản đầu tư của mình.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	613.90	4.05%	-35.25	-16.9%	181,611	4/16/2020	13
VN30F2005	609.50	3.66%	-39.65	11.0%	886	5/21/2020	48
VN30F2006	609.70	2.99%	-39.45	101.5%	137	6/18/2020	76
VN30F2009	614.30	4.38%	-34.85	6.6%	113	9/17/2020	167

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +20.36 điểm lên mức 649.15 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, MSN, FPT, MWG, và VHM tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng mạnh đầu phiên trước khi tích lũy quanh 640 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực, tiếp cận 650 điểm cuối phiên. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 650 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2004, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2004 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2005 và VN30F2009 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT1908	MBS	6/17/2020	75	3.1	63,630	-53.6%	2.4 triệu	29.59%	3,150	290	11.54%	88.60	3.27
CROS2001	KIS	6/19/2020	77	4.1	940,680	89.5%	10.0 triệu	58.62%	1,500	80	60.00%	-	-
CHDB2003	KIS	12/16/2020	257	2.1	104,020	76.3%	2.0 triệu	32.59%	2,700	630	8.62%	62.20	10.13
CVPB2001	HSC	6/22/2020	80	2.1	383,440	-0.9%	5.0 triệu	35.71%	1,500	560	-6.67%	215.00	2.60
CDPM2001	KIS	6/19/2020	77	2.1	230,130	60.3%	2.0 triệu	33.16%	1,000	350	16.67%	86.00	4.07
CSTB2001	KIS	6/19/2020	77	1.1	449,560	36.2%	5.0 triệu	34.91%	1,500	400	73.91%	31.00	12.90
CSTB2002	KIS	12/16/2020	257	1.1	88,420	88.6%	3.0 triệu	34.91%	1,700	1,340	65.43%	198.80	6.74
CDPM2002	KIS	12/16/2020	257	1.1	23,480	-13.0%	2.0 triệu	33.16%	1,700	1,850	6.94%	607.30	3.05
CHDB2001	KIS	6/19/2020	77	2.1	373,130	-35.4%	5.0 triệu	32.59%	2,000	90	12.50%	5.40	16.67
CHPG2004	SSI	6/15/2020	73	1.1	79,130	160.3%	5.0 triệu	31.50%	2,800	330	17.86%	26.60	12.41
CVNM2002	KIS	12/16/2020	257	5.1	52,130	136.3%	3.0 triệu	27.51%	3,200	1,170	-5.65%	130.70	8.95
CMSN2001	KIS	12/16/2020	257	5.1	99,650	17.1%	2.0 triệu	29.85%	2,300	1,450	14.17%	356.50	4.07
CSBT2001	KIS	12/16/2020	257	1.1	71,010	107.0%	2.0 triệu	31.13%	2,900	760	-6.17%	61.80	12.30
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	110	1.1	100,430	-19.5%	1.5 triệu	35.71%	2,200	800	2.56%	272.30	2.94
CHPG2003	MBS	5/4/2020	31	3.1	557,320	57.4%	6.0 triệu	31.50%	1,570	110	0.00%	-	-
CVRE2001	KIS	9/21/2020	171	4.1	160,000	-40.2%	8.0 triệu	34.21%	1,500	130	-13.33%	2.10	61.90
CMWG2001	HSC	6/22/2020	80	10.1	337,730	568.5%	5.0 triệu	34.70%	1,700	60	50.00%	0.10	600.00
CREE2001	HSC	6/22/2020	80	5.1	65,020	279.3%	5.0 triệu	29.35%	1,100	210	23.53%	23.80	8.82
CVIC2001	KIS	12/16/2020	257	5.1	2,480	n/a	2.0 triệu	29.71%	2,700	2,020	37.41%	302.10	6.69
CNVL2001	KIS	12/16/2020	257	4.1	45,010	181.3%	2.0 triệu	18.29%	2,300	1,640	-0.61%	92.60	17.71
CVRE2003	KIS	12/16/2020	257	2.1	54,010	304.3%	3.0 triệu	34.21%	3,000	600	-1.64%	18.20	32.97
Tổng:					4,280,410		80.90 triệu	33.00%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
					**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 3/4/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CVIC2001 và CMSN2001 tăng mạnh lần lượt tại 37.41% và 14.17%. Trái lại, CVNM2002 giảm mạnh -5.65%. Giá trị giao dịch tăng 46.42%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.12% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CDPM2001 và CREE1905 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CSTB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinh@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	91.00	5.81	3.13
MSN	52.30	6.30	1.97
FPT	44.60	5.44	1.70
MWG	65.40	6.86	1.68
VHM	57.70	5.29	1.47

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	15.2	0.00	0.00
SBT	12.8	0.79	0.04
NVL	51.9	0.19	0.05
ROS	3.7	6.90	0.08
REE	28.9	1.94	0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1908	63,450	54,000	44,600
CROS2001	32,468	26,468	3,720
CHDB2003	37,523	32,123	19,550
CVPB2001	23,000	20,000	17,550
CDPM2001	16,567	14,567	12,400
CSTB2001	12,499	10,999	8,350
CSTB2002	13,588	11,888	8,350
CDPM2002	16,952	15,252	12,400
CHDB2001	33,099	29,099	19,550
CHPG2004	26,300	23,500	17,650
CVNM2002	157,111	141,111	95,000
CMSN2001	77,289	65,789	52,300
CSBT2001	24,011	21,111	12,800
CVPB2003	24,200	22,000	17,550
CHPG2003	26,810	22,100	17,650
CVRE2001	42,789	36,789	19,500
CMWG2001	132,000	115,000	65,400
CREE2001	39,553	34,311	28,850
CVIC2001	139,968	126,468	91,000
CNVL2001	75,088	65,888	51,900
CVRE2003	43,999	37,999	19,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	65.4	6.9%	1.1	1,288	4.7	8,655	7.6	2.4	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	51.9	6.8%	1.3	508	1.9	5,361	9.7	2.6	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	42.3	7.0%	1.4	1,365	2.0	1,632	25.9	1.6	28.9%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.7	4.9%	0.6	298	0.2	2,623	11.3	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	91.0	5.8%	0.9	13,383	4.6	2,310	39.4	3.9	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	19.5	1.3%	1.1	1,927	2.1	1,226	15.9	1.6	31.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.9	0.2%	0.8	2,188	0.8	3,552	14.6	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	28.9	1.9%	0.9	389	0.5	5,287	5.5	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	8.3	6.9%	1.5	219	0.6	2,850	2.9	0.6	42.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.3	6.9%	1.3	298	2.6	1,787	7.4	0.7	51.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	15.0	3.4%	1.0	107	0.2	4,240	3.5	0.6	35.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	12.7	6.7%	1.7	169	0.9	1,421	8.9	0.9	54.0%	11.7%
FPT	Công nghệ	44.6	5.4%	0.8	1,322	4.0	4,631	9.6	2.2	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	41.5	3.8%	0.4	449	0.0	4,812	8.6	2.2	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	59.2	5.5%	1.5	4,926	2.9	6,092	9.7	2.3	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	39.9	2.6%	1.5	2,066	1.5	3,495	11.4	2.1	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	10.3	9.6%	1.6	214	2.2	1,529	6.7	0.4	15.9%	6.2%
BSR	Dầu khí	5.6	12.0%	0.8	755	1.0	898	6.2	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	81.8	3.5%	0.5	465	0.0	4,668	17.5	3.2	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.4	1.2%	0.6	211	0.8	774	16.0	0.6	18.1%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.7	2.5%	0.5	131	0.2	592	9.6	0.5	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	65.5	0.8%	1.2	10,562	4.9	5,003	13.1	3.0	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	34.3	6.9%	1.6	5,998	2.3	2,366	14.5	1.9	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	18.8	2.7%	1.3	3,043	3.8	2,541	7.4	0.9	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	17.6	1.7%	1.2	1,860	2.5	3,379	5.2	1.0	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	14.8	3.5%	1.1	1,546	3.3	3,476	4.2	0.9	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	19.1	2.7%	1.0	1,376	3.0	3,694	5.2	1.1	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	36.0	2.9%	0.9	128	0.2	5,165	7.0	1.2	79.5%	17.2%
NTP	Nhựa	28.1	3.3%	0.3	120	0.0	4,167	6.7	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	17.7	2.3%	1.1	2,119	5.0	2,588	6.8	1.0	36.6%	17.1%
HSG	Thép	5.2	7.0%	1.7	96	1.1	1,161	4.5	0.4	17.8%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	95.0	1.1%	0.7	7,193	8.0	5,478	17.3	6.0	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	125.0	1.5%	0.8	3,485	0.4	7,477	16.7	4.3	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	52.3	6.3%	1.0	2,658	4.1	4,772	11.0	1.4	36.2%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	12.8	0.8%	0.7	327	0.8	508	25.2	1.1	6.1%	4.4%
ACV	Vận tải	44.9	2.0%	0.8	4,250	0.5	2,630	17.1	3.2	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	99.9	0.7%	1.1	2,275	1.6	7,889	12.7	3.4	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	19.3	4.3%	1.7	1,190	0.7	1,640	11.8	1.5	9.7%	12.8%
GMD	Vận tải	15.2	1.7%	0.9	196	0.2	1,595	9.5	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	8.6	6.4%	0.9	105	0.6	2,398	3.6	0.6	28.6%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	57.3	4.9%	1.1	399	1.2	8,824	6.5	2.7	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	14.9	2.1%	0.7	290	0.1	1,453	10.3	1.0	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.6	-0.5%	0.8	175	0.0	1,941	5.4	0.8	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	48.3	7.0%	1.1	160	0.3	8,859	5.4	0.4	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.7	0.4%	0.7	474	0.2	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.8	0.3%	0.4	202	1.5	2,769	6.8	0.8	47.1%	12.9%
POW	Điện	7.7	4.6%	0.6	784	1.5	1,028	7.5	0.7	12.3%	9.4%
NT2	Điện	17.1	3.3%	0.5	213	0.3	2,560	6.7	1.2	17.5%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	91.00	5.81	4.83	1.18MLN
VHM	57.70	5.29	2.77	940470.00
BID	34.30	6.85	2.53	1.55MLN
GAS	59.20	5.53	1.69	1.15MLN
MSN	52.30	6.30	1.03	1.84MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BHN	-0.01	-0.22	21400.00	1.11MLN
HPX	-0.01	-0.08	347600.00	607060.00
HNG	0.00	-0.06	185670.00	373600.00
NLG	0.00	-0.06	1.36MLN	192700.00
PME	0.00	-0.04	15380.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HSG	5.20	7.00	0.04	5.10MLN
STG	15.30	6.99	0.03	110.00
HVG	6.43	6.99	0.03	506920.00
CTD	48.25	6.98	0.07	128520.00
ABT	33.70	6.98	0.01	540.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	55.80	-7.00	-0.02	1450.00
BHN	43.20	-7.00	-0.22	21400.00
TCO	11.30	-7.00	-0.01	80.00
HRC	37.05	-6.91	-0.02	110.00
DTL	16.85	-6.91	-0.02	60.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	19.10	2.69	0.80	3.57MLN
SHB	13.30	3.10	0.53	4.18MLN
PVS	10.30	9.57	0.22	4.95MLN
VCS	57.30	4.95	0.09	479200.00
SHS	6.50	6.56	0.06	1.22MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNP	17.50	-1.69	-0.02	2100.00
TVC	26.60	-1.48	-0.01	155500.00
PTI	20.00	-2.44	-0.01	2600.00
IDJ	14.20	-2.07	-0.01	460900.00
SIC	10.20	-9.73	-0.01	1100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

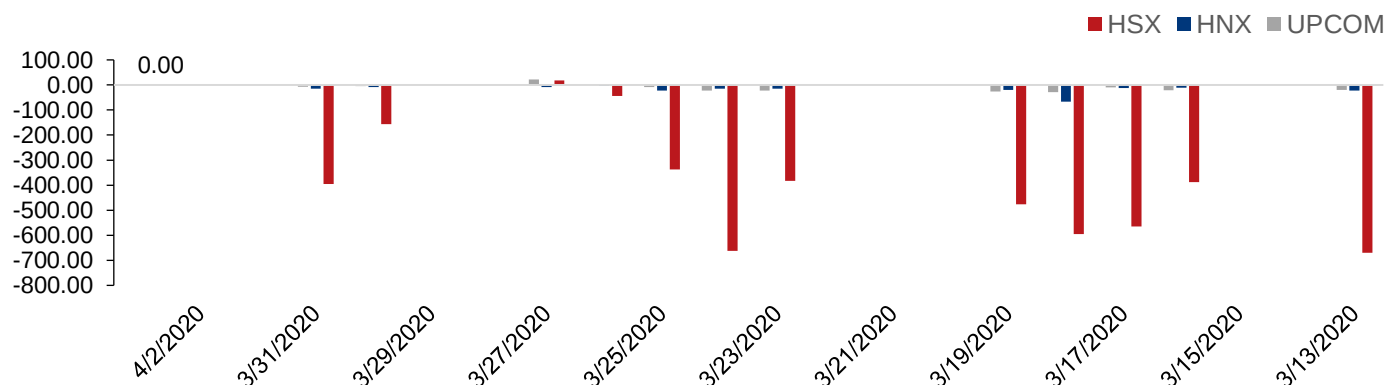
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	33.3	0.00	15900.00
VIG	0.60	20.0	0.00	446500.00
KVC	0.80	14.3	0.01	142500.00
MPT	0.90	12.5	0.00	64300.00
ART	2.20	10.0	0.02	352300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	340600.00
SJC	0.70	-12.50	0.00	32400.00
SPI	0.70	-12.50	0.00	69600.00
SPP	0.70	-12.50	0.00	126800.00
BKC	5.40	-10.00	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	15.2	1,595	9.5	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	19.1	3,694	5.2	1.1	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.8	1,954	6.0	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	125.0	7,477	16.7	4.3	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	18.3	1,688	10.8	1.3	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	95.0	5,478	17.3	6.0	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.3	2,690	3.8	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	65.4	8,655	7.6	2.4	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	22.0	7,380	3.0	0.8	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	44.6	4,631	9.6	2.2	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	15.5	2,109	7.3	1.1	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	19.1	3,897	4.9	0.9	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	81.8	4,668	17.5	3.2	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.1	4,313	5.6	1.1	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	51.9	5,361	9.7	2.6	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	8.6	2,398	3.6	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	151.8	14,782	10.3	4.2	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	7.5	0	16.9	0.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	65.4	8,655	7.6	2.4	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	19.1	3,694	5.2	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc giảm trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn